

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST

Ngày: 27/6/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Minh Thư

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái

Ông Nguyễn Duy Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện VKSND thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Tôn Đức Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2022/TLST-HS, ngày 25 tháng 5 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/QĐXXST-HS ngày 15/6/2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Trung T;** giới tính: Nam; sinh ngày 15/7/1975 tại Huyện Q, tỉnh T; nơi đăng ký HKTT: Tập thể Viện quy hoạch B, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số nhà 48A, ngách 45, ngõ 200, đường A, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T; con bà Lê Thị T (đã chết); có vợ Tô Thị H và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: 02.

- Ngày 28/3/2006 bị Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội xử phạt 54 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 75/2006/HSST. Chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm. Đến nay vẫn chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự của bản án. (Chưa được xóa án tích)

- Ngày 29/01/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự tại Bản án số 118/2021/HSST. Chấp hành án tại Trại giam số 6 đến ngày 16/01/2022 chấp hành xong hình phạt tù. (Chưa được xóa án tích)

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 04/8/1997, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Cướp tài sản của công dân quy định tại khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự năm 1985 tại Bản án số 929/HSST. (Đã thi hành xong bản án, đã được xóa án tích).

- Ngày 16/11/2000, bị Công an phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt về hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản của công dân bằng hình thức Cảnh cáo.

- Ngày 31/8/2011, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 276/2011/HSST. Chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm đến ngày 01/9/2012 chấp hành xong hình phạt tù. Tuy nhiên tổng số tiền đánh bạc của bị cáo trong vụ án này là 3.370.000 đồng, theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành không quy định là tội phạm. Căn cứ theo điểm d, g khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích mặc dù chưa thi hành hình phạt bổ sung theo quy định.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 15/3/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1990; nghề nghiệp: Lái xe; địa chỉ: Số 19, ngõ 70, đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Anh Trần Nhật Hoàng, sinh năm 1987; nghề nghiệp: Lái xe; trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan::***

Chị Tô Thị H, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Nhân viên; trú tại: 48A, ngách 45, ngõ 200, Á, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/02/2021 đến ngày 06/02/2022, trên địa bàn thành phố H; Nguyễn Trung T đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 02/02/2021, Nguyễn Trung T đi xe buýt từ huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xuống thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh chơi. Sau đó, T nảy sinh ý định tiếp cận lái xe taxi, đưa ra thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt điện thoại của lái xe taxi. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 02/02/2021, T đứng trước cổng Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H và gọi được xe taxi biển kiểm soát: 38A- 189.05 do anh Lê Văn T (sinh năm 1990, trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) điều khiển. Khi lên xe taxi, T nói anh T chở T ra thành phố V, tỉnh Nghệ An. Di chuyển được một lúc thì Nguyễn Trung T lại yêu cầu anh T chở đến Ủy ban nhân dân thành phố

H. Khi đến Ủy ban nhân dân thành phố H thì T xuống xe và giả vờ đi vào bên trong trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố H khoảng 5 phút rồi đi ra để cho anh T nghĩ T là cán bộ vào giải quyết công việc. Sau đó T quay ra nói anh T chờ T ra Sở Công thương Hà Tĩnh ở số 02 đường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh để giải quyết công việc. Khi đến cổng Sở Công thương Hà Tĩnh, T giả vờ mượn điện thoại anh T để gọi điện thoại cho người thân. Vì nghĩ rằng Nguyễn Trung T là cán bộ và tin tưởng việc T mượn điện thoại để liên lạc nên anh Lê Văn T lấy điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax 128GB, màu xanh dương, gắn sim số 0971609559 của anh T mở mặt khóa màn hình đưa cho T mượn. Lúc này T xuống xe đứng trước cổng Sở Công thương Hà Tĩnh cách vị trí anh T khoảng 02 mét và cầm điện thoại của anh T giả vờ gọi điện một lúc rồi trả lại điện thoại cho anh T; T đưa cho anh Lê Văn T 30.000 đồng và nói trả tiền cước điện thoại. Sau đó T đi vào cổng Sở Công thương Hà Tĩnh một đoạn rồi quay lại và giả vờ hỏi T “cho anh mượn sạc iPhone cái”, rồi T đưa điện thoại của mình cho anh T để anh T cắm sạc pin ở trên xe. Sau đó T tiếp tục nói với anh T “cho anh mượn điện thoại gọi thêm cuộc nữa”, anh T đồng ý mở mặt khóa điện thoại iPhone 12 Promax và cho T mượn, T giả vờ bấm máy rồi quay lại xe lấy chiếc điện thoại của T đang sạc và nói với anh T “anh tìm số cái”. T cầm điện thoại của anh T cùng với điện thoại của mình và nói với anh T “chờ anh tý ra ta đi”. Vì tin tưởng lời T nói nên anh T lùi xe vào đỗ ở khu vực trước cổng Sở Công thương Hà Tĩnh để chờ T. Lợi dụng lúc anh Lê Văn T đang lùi xe nên Nguyễn Trung T đi ra bến xe buýt gần đó và đi xe buýt về huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó T đi ra thành phố Hà Nội bán chiếc điện thoại iPhone 12 Promax chiếm đoạt của anh Lê Văn T cho một người đàn ông không quen biết (không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) tại khu vực bến xe G, thành phố Hà Nội với số tiền 9.500.000 đồng. Số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐGTS ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố H xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 128Gb màu xanh dương tại thời điểm tháng 2 năm 2021 có trị giá 24.400.000 đồng.

- *Lần thứ hai:* Vào sáng ngày 06/02/2022, Nguyễn Trung T đi xe buýt từ huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đến thành phố H chơi. Sau khi ăn trưa xong, T nảy sinh ý định tiếp cận lái xe taxi, đưa ra thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt điện thoại của lái xe taxi. Khoảng gần 12 giờ ngày 06/02/2022, T đứng trước cổng Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh ở số 04 đường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh rồi vẫy được xe ô tô taxi biển kiểm soát: 38A-354.82 do anh Trần Nhật H (sinh năm 1987, trú tại thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh) điều khiển. T lên ngồi ở ghế phụ phía sau xe tắc xi của anh H và giả vờ yêu cầu anh H chở đi huyện D, tỉnh Nghệ An. Khi xe chạy được một đoạn thì T giả vờ nói với anh H là chở T đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh ở xã T, thành phố H để đón bạn. Trên đường đi thì anh H có kể với T về việc vừa bị Cảnh sát giao thông xử phạt nguội với mức phạt là 1.000.000 đồng. T nói là để T xin cho thì anh H hỏi T làm nghề gì, T nói H “anh thử đoán xem” thì H nói “anh làm Công an à”, T cười và nói “Ừ” nhằm mục đích để cho anh H tin tưởng để thuận lợi trong việc tiếp cận chiếm

đoạt tài sản. Khi đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh, T nói anh H đứng ngoài cổng chờ, T giả vờ gọi điện thoại và đi vào trong cổng rồi quay lại xe anh H bảo là điện thoại của T hết pin và mượn điện thoại của anh H để gọi bạn. Vì tin tưởng nên anh H lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo 2116 màu xanh của anh H cho T mượn. Khi cầm điện thoại của anh H trên tay, T để lên tai và giả vờ nói “em đang ở đâu đấy? nếu em đang ở Công an thành phố thì để anh nói lái xe ra đón em nhé”. Xong T trả cho anh H 10.000 đồng và nói là trả tiền cuộc gọi vừa rồi đầu năm cho suôn sẻ đồng thời T hỏi anh H mật khẩu điện thoại và giả vờ nói là để gọi cho người bạn nữa thì anh T vẽ mật khẩu màn hình cho T. T cầm điện thoại anh H để lên tai giả vờ nói chuyện và nói “để anh cho tài xế ra đón em” rồi hỏi tên anh H, biển số xe của anh H và đọc qua điện thoại để cho anh H nghĩ là T đang cung cấp thông tin xe anh H cho bạn T để anh H đến Công an thành phố đón bạn T. Xong T nói anh H đến Công an thành phố H đón bạn cho T còn điện thoại thì cho T mượn để liên lạc với người bạn còn lại ở Phòng Cảnh sát giao thông, khi nào anh H quay lại thì sẽ đón T cùng một người bạn nữa rồi tất cả cùng đi ra Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An. Vì tin những gì T nói là thật nên anh H vẫn để máy điện thoại cho T sử dụng rồi điều khiển xe ô tô đến Công an thành phố H để đón bạn cho T. Tuy nhiên khi anh H đến Công an thành phố H thì không tìm thấy bạn T và mới biết là đã bị lừa. Còn Nguyễn Trung T sau khi chờ anh H đi khỏi khu vực Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh thì T cầm chiếc điện thoại Vivo 2116 của anh H rồi đi xe buýt về huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh sau đó ra thành phố Hà Nội. T bán chiếc điện thoại đã chiếm đoạt của anh Trần Nhật H cho một người đàn ông không quen biết (không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) tại khu vực bến xe G với giá 2.100.000 đồng. Số tiền này T tiêu xài cá nhân hết. Sau khi biết bị lừa, anh H đã tố cáo hành vi phạm tội của Nguyễn Trung T. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Trung T lên làm việc, qua đấu tranh T đã thừa nhận mình thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 15/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố H xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2116 màu xanh tại thời điểm tháng 2 năm 2022 có trị giá 6.000.000 đồng.

*Vật chứng vụ án:* Không.

*Trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Nguyễn Trung T đã tác động chị Tô Thị H (là vợ của T) bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 24.400.000 đồng và bồi thường cho anh Trần Nhật H số tiền 6.000.000 đồng. Nay anh T và anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS-TPHT ngày 23/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Trung T từ 02 đến 03 năm tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày nhận thức được sai phạm và xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về chứng cứ xác định tội danh:** Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thời gian, địa điểm bị cáo chiếm đoạt tài sản cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án xác định được: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/02/2021 đến ngày 06/02/2022, trên địa bàn thành phố H, Nguyễn Trung T đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gồm: Lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128Gb màu xanh dương trị giá 24.400.000 đồng của anh Lê Văn T và 01 điện thoại Vivo V2116 màu xanh trị giá 6.000.000 đồng của anh Trần Nhật H. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Trung T lừa đảo chiếm đoạt được là 30.400.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi Nguyễn Trung Thành thực hiện đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt "*Tái phạm nguy hiểm*" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

#### **[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:**

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "*Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; tác động vợ bồi thường thiệt hại cho các bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

#### **[4] Về hình phạt:**

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm vào tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Sau khi xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội để tiếp tục giáo dục cải tạo bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã bồi thường đầy đủ thiệt hại cho các bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

**[5] Về hình phạt bổ sung:**

Theo quy định tại khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này, Nguyễn Trung T khai nhận đã bán 02 chiếc điện thoại lừa đảo được cho người không quen biết tại khu vực bến xe Giáp Bát, thành phố Hà Nội. Do thông tin của những người này không đầy đủ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý.

**[6] Xét luận tội của Kiểm sát viên** là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

**[7] Về trách nhiệm dân sự:** Anh Lê Văn T và anh và anh Trần Nhật H đã được vợ bị cáo bồi thường thiệt hại đầy đủ, nay không yêu cầu gì. Tòa miễn xét.

**[8] Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[9] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Trung T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm d khoản 2 điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52 các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt **Nguyễn Trung T 24 tháng tù (hai mươi bốn tháng tù), thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2022.**

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam CAHT;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Công an TP Hà Tĩnh;
- THAPT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Minh Thư**